

**BÁO CÁO**  
**Công tác Cải cách hành chính năm 2021**

Thực hiện Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021, UBND thị xã báo cáo tình hình công tác CCHC năm 2021 như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**

**1. Về kế hoạch CCHC**

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021, trong đó quy định trách nhiệm, thời gian hoàn thành từng nhiệm vụ cụ thể đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Theo kế hoạch có 34 nội dung, nhiệm vụ về công tác trong năm phải thực hiện đến nay UBND thị xã đã hoàn thành 34 nhiệm vụ (đạt 100%).

**2. Công tác chỉ đạo, điều hành**

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021; Kế hoạch số 553/KH-UBND ngày 24/02/2021 về nâng cao chỉ số CCHC và chỉ số đánh giá chất lượng hoạt động UBND thị xã trong năm 2021 với mục tiêu phấn đấu chỉ số xếp hạng của thị xã nằm ở tốp các địa phương dẫn đầu toàn tỉnh; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 05/02/2021 về việc đẩy mạnh công tác CCHC gắn liền với xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số và đô thị thông minh trên địa bàn thị xã trong năm 2021 để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị địa phương đẩy mạnh công tác CCHC, chỉ số đánh giá chất lượng hoạt động UBND thị xã trên địa bàn thị xã năm 2021.

**3. Về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước**

Tiếp tục thực hiện các Chỉ thị về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước, UBND thị xã đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 18/01/2021 về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính; nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động bộ máy quản lý nhà nước trên địa bàn thị xã;

Trong thời gian qua, UBND thị xã tiếp tục chỉ đạo Tổ công tác số 89/QĐ-UBND của thị xã đã tiến hành kiểm tra công vụ theo kế hoạch đối với UBND xã Bình Tiến, phường Hương Chũ và thường xuyên kiểm tra đột xuất các xã, phường; một số cơ quan chuyên môn thuộc thị xã và một số cơ sở giáo dục trên địa bàn, qua kiểm tra hầu hết cán bộ, công chức, viên chức đều nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính.

**4. Công tác kiểm tra CCHC**

Trong năm, Đoàn Kiểm tra đã hoàn thành việc kiểm tra CCHC theo Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND thị xã đối với 4 xã, phường

và 6 cơ quan thuộc thị xã, kiểm tra đột xuất không thông báo đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và UBND các xã, phường trên địa bàn thị xã. Có 2 xã Hương Phong và Hải Dương có đưa vào Kế hoạch đầu năm nhưng đến thời điểm kiểm tra đã sáp nhập vào thành phố nên không tiến hành kiểm tra.

## **5. Về công tác tuyên truyền**

UBND thị xã đã ban hành và thực hiện hoàn thành Kế hoạch số 3943/KH-UBND ngày 24/12/2020 về việc tuyên truyền về CCHC năm 2021, chỉ đạo Trung tâm Văn hoá, Thông tin và Thể thao thị xã xây dựng chuyên mục phát thanh định kỳ về CCHC, thường xuyên tuyên truyền, cập nhật các thông tin, quy định, quy trình về các TTHC.

Thường xuyên cập nhật và đăng tải thông tin liên quan CCHC, kịp thời công khai các TTHC mới, các TTHC sửa đổi, bổ sung trên Trang thông tin điện tử thị xã và chỉ đạo các địa phương cập nhật lên trang thông tin điện tử của địa phương mình nhằm cung cấp thông tin, công khai các TTHC đến người dân.

Từ ngày 01/01 đến 10/11/2021, Trang thông tin điện tử thị xã đã đăng 75 tin bài tuyên truyền về CCHC, Trung tâm Văn hóa, thông tin và thể thao thị xã đã duy trì thường xuyên 4 chuyên đề về CCHC trên hệ thống truyền thanh thị xã.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC**

### **1. Cải cách thể chế**

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất, có hiệu quả, nhằm đảm bảo văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL (luật năm 2015), UBND thị xã đã ban hành Kế hoạch số 50/KH-UBND, ngày 07/01/2021 về việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thị xã năm 2021; Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 07/01/2021 về việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021; Kế hoạch số 52/KH-UBND, ngày 07/01/2021 về việc thực hiện công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thị xã Hương Trà năm 2021; Kế hoạch số 3762/KH-UBND ngày 09/12/2020 về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2021. Kế hoạch số 4023/KH-UBND ngày 31/12/2020 về việc tự kiểm tra và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thị xã Hương Trà năm 2021

Tiếp tục chỉ đạo Phòng Tư pháp thẩm định trước khi trình HĐND và UBND thị xã, đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Công tác rà soát, kiểm tra văn bản QPPL luôn được quan tâm và đẩy mạnh, đã chỉ đạo Phòng Tư pháp tiến hành kiểm tra, rà soát các Nghị quyết do HĐND thị xã, HĐND và UBND các xã, phường ban hành; các Quyết định và Chỉ thị của UBND thị xã theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

### **2. Cải cách thủ tục hành chính**

#### ***a. Công tác cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính***

Tiếp tục Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 04/01/2021 về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 trên địa bàn thị xã và Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 15/01/2021 của UBND thị xã về việc rà soát, đánh giá TTHC năm 2021. Trong thời gian qua công tác cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính

trên địa bàn thị xã đạt được những kết quả tích cực. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường đã nghiêm túc tổ chức thực hiện các hoạt động rà soát, đơn giản hóa TTHC, kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản; tổ chức tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo quy định. Việc công khai các thủ tục hành chính theo quy định tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện nghiêm túc.

Tiếp tục duy trì hoạt động hệ thống Website của UBND thị xã, UBND các xã, phường và các cơ quan trực thuộc nhằm cung cấp thông tin, công khai các quy trình, thủ tục hành chính và triển khai dịch vụ công như: tra cứu chính sách pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành; các mẫu đơn, thủ tục hành chính.

### ***b. Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông***

UBND thị xã đã niêm yết công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp thị xã theo quy định tại bảng Niêm yết của Trung tâm hành chính công và trên Trang thông tin điện tử thị xã với tổng số TTHC được công bố là: 319 TTHC của 18 lĩnh vực.

UBND các xã, phường đã niêm yết công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã theo quy định tại bảng Niêm yết của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại cấp xã và trên Trang thông tin điện tử các xã, phường với tổng số TTHC được công bố là: 119 TTHC của 33 lĩnh vực.

Đến nay 100% TTHC được triển khai dịch vụ công mức 3, 4 và tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công thị xã với quy trình thiết lập và cung cấp cho cán bộ, người dân, doanh nghiệp. Số lượng TTHC đã ISO hóa và thiết lập quy trình giải quyết cho 319 TTHC (đạt tỷ lệ 100%).

Đồng thời chỉ đạo các các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường hoàn thành việc xây dựng, áp dụng và công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

Hoàn chỉnh, bổ sung các quyết định sửa đổi, bổ sung quy định hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết và giao trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa tại Trung tâm hành chính công thị xã và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại các xã, phường. Thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc quy định TTHC gắn với trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cải cách TTHC theo quy định. Nâng cao năng lực nghiên cứu, tham mưu của các cơ quan và của cán bộ, công chức trong cải cách TTHC.

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại của UBND các xã, phường của 9 xã, phường trên địa bàn thị xã đã hoạt động ổn định.

UBND thị xã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tăng cường kiểm tra, hướng dẫn về quy trình, kỹ năng tác nghiệp trên phần mềm, kỹ năng giao tiếp, ứng xử theo quy định đối với công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại cấp xã, phường.

### ***c. Tình hình và kết quả giải quyết TTHC***

Trong năm 2021, tính từ ngày 01/01 đến ngày 10/11, Trung tâm hành chính công thị xã tiếp nhận tổng số hồ sơ: 8850 hồ sơ thuộc các lĩnh vực thuộc thẩm quyền

giải quyết của UBND thị xã. Trong đó Hồ sơ đã giải quyết trước hẹn: 4509 hồ sơ; đã giải quyết đúng hẹn: 2571 hồ sơ; đã giải quyết trễ hẹn: 1152 hồ sơ

Hồ sơ đang giải quyết: 615 hồ sơ trong đó đúng hạn 591 hồ sơ.

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại các xã, phường đã thực hiện các quy trình theo đúng quy định.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

UBND thị xã đã ban hành Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 22/12/2020 về việc tiếp tục nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động bộ máy quản lý nhà nước trên địa bàn thị xã;

Đã trình Hội đồng nhân dân thị xã giải thể Phòng Y tế thị xã và đồng thời chuyển chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực y tế vào Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã để thực hiện.

Đã ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với Phòng Tư pháp thị xã sau khi có Thông tư hướng dẫn Bộ Tư pháp.

Chỉ đạo Phòng Nội vụ phối hợp Phòng Tư pháp và các cơ quan liên quan tiếp tục xây dựng dự thảo và hoàn thiện Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với: Phòng Nội vụ thị xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thị xã, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thị xã theo Thông tư hướng dẫn của Bộ ngành liên quan; tham mưu góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính thuộc UBND tỉnh, Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương khóa XII, UBND thị xã đã ban hành nhiều văn bản thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức, bộ máy nhà nước ở địa phương.

Hoàn thành việc bàn giao 6 xã, phường sáp nhập vào thành phố Huế theo Nghị quyết số 1264/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XIV có hiệu lực từ ngày 01/7/2021.

### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

#### ***a. Kết quả công tác quản lý, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền***

UBND thị xã đã ban hành quyết định điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, phê chuẩn kết quả bầu cử, thực hiện quy trình điều động, thực hiện quy trình bầu cử, đề nghị cấp có thẩm quyền phê chuẩn 152 trường hợp trong đó:

- UBND thị xã và các cơ quan, đơn vị trực thuộc thị xã: bổ nhiệm tại chỗ 07 trường hợp; điều động, tiếp nhận để bổ nhiệm giữa các cơ quan thuộc Thị ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã, các xã phường và các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thị xã 07 trường hợp; bổ nhiệm Chánh Văn phòng HĐND&UBND thị xã kiêm nhiệm chức danh Trưởng phòng Y tế thị xã; thực hiện quy trình bổ nhiệm lại đối với 05 trường hợp; cử phó phụ trách 01 công chức lãnh đạo; điều động công chức đến nhận công tác tại cơ quan Thị ủy, điều động công chức giữa các cơ quan chuyên môn, đồng ý cho chuyển công tác đối với công chức 05 trường hợp.

- Ngành giáo dục : điều động, bổ nhiệm 16 viên chức Quản lý giáo dục (05 Hiệu trưởng, 11 Phó Hiệu trưởng), Bổ nhiệm mới 01 viên chức Quản lý giáo dục

(01 Hiệu trưởng). Bổ nhiệm lại 14 viên chức Quản lý giáo dục (04 Hiệu trưởng, 10 Phó Hiệu Trưởng). Quyết định cử 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách trường; cử 01 Kế toán phụ trách kế toán trường học; miễn nhiệm 01 Kế toán trường học. Cho thôi giữ chức vụ đối với 03 Viên chức quản lý giáo dục

- Cấp xã phê chuẩn kết quả bầu cử chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã, phường: 30; phê chuẩn kết quả bầu cử chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã, phường: 37; Miễn nhiệm, bổ nhiệm phụ trách kế toán xã, phường: 05.

Tiếp tục cho ý kiến bổ sung quy hoạch về chức danh lãnh đạo quản lý các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND thị xã nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm kỳ 2025-2030.

Thực hiện thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, đã bầu ra 32 đại biểu HĐND thị xã và 338 đại biểu HĐND cấp xã. Trình Hội đồng nhân dân thị xã bầu các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân thị xã tại kỳ họp thứ nhất, nhiệm kỳ 2021-2026.

Hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục đề nghị UBND tỉnh phân loại đơn vị hành chính đối với xã xã Bình Tiên và đã có Quyết định công nhận phân loại đơn vị hành chính đối với xã Bình Tiên xã loại I (*Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 09/02/2021*); đề nghị UBND tỉnh phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn thị xã (đã có quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 25/9/2021 của UBND tỉnh)

Ban hành công văn nhất trí với nguồn nhân sự quy hoạch chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các cơ quan, đơn vị nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm kỳ 2025-2030.

### ***b. Công tác quản lý, sử dụng biên chế***

Thực hiện Quyết định số 07/QĐ-SNV ngày 05/01/2021, Quyết định số 52/QĐ-SNV ngày 07/01/2021, Quyết định số 110/QĐ-SNV ngày 11/01/2021 của Sở Nội vụ tỉnh Thừa Thiên Huế, UBND thị xã Hương Trà đã ban hành Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 về việc giao biên chế công chức, phân bổ số lượng người làm việc và HĐ68 đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp khác, đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo trực thuộc, Hội Chữ thập đỏ thị xã như sau:

Tổng biên chế giao năm 2021: **1.985** biên chế, trong đó:

+ Biên chế công chức: 79 biên chế;

+ Biên chế viên chức: 1.831 biên chế (gồm: sự nghiệp trong cơ quan hành chính 18, đơn vị sự nghiệp khác 31, Hội Chữ thập đỏ thị xã 02, đơn vị sự nghiệp giáo dục 1.780).

+ Biên chế HĐ68: 75 người (gồm: cơ quan hành chính 07, Đơn vị sự nghiệp khác 02, đơn vị sự nghiệp giáo dục 66).

Sau khi thực hiện Nghị quyết số 1264/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính tại các đơn vị cấp huyện và sắp xếp, thành lập các phường thuộc thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tổng biên chế giao năm 2021: **1.290** biên chế, trong đó:

+ Biên chế công chức: 79 biên chế;

+ Biên chế viên chức: 1.160 biên chế (gồm: sự nghiệp trong cơ quan hành chính 18, đơn vị sự nghiệp khác 31, Hội Chữ thập đỏ thị xã 02, đơn vị sự nghiệp giáo dục 1.109).

+ Biên chế HD68: 51 người (gồm: cơ quan hành chính 07, Đơn vị sự nghiệp khác 02, đơn vị sự nghiệp giáo dục 42).

Như vậy, sau khi thực hiện Nghị quyết số 1264/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì biên chế giao đối với UBND thị xã Hương Trà giảm 695 biên chế (trong đó: 671 biên chế viên chức và 24 biên chế HD68).

Đồng thời, tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã rà soát, báo cáo và xây dựng kế hoạch biên chế biên chế năm 2022 đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

Tiếp tục tiến hành sắp xếp bộ máy, cán bộ, công chức của xã Bình Tiến. Hướng dẫn sắp xếp người hoạt động không chuyên trách của các xã, phường.

Tiến hành xếp lương, nâng lương và nâng phụ cấp đối với 478 lượt cán bộ, công chức, viên chức.

Ban hành thông báo và quyết định nghỉ hưu, thôi việc, tinh giảm biên chế đối với 13 cán bộ, công chức, viên chức (trong đó: nghỉ hưu: 5; tinh giảm biên chế: 7; thôi việc: 01)

Đã ban hành quyết định thành lập, kiện toàn 84 Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Đoàn Kiểm tra, Tổ thẩm định,... liên quan đến các lĩnh vực QLNN trên địa bàn.

Tiếp nhận 13 cán bộ, công chức, viên chức (ngành giáo dục: 8; cán bộ, công chức thị xã 3; cấp xã: 2).

Cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng 129 trường hợp cán bộ, công chức, viên chức.

Ban hành Công văn gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh đồng ý cho 27 công chức, viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở từ hạng II lên hạng I năm 2020.

Tiến hành kỷ luật 4 trường hợp (viên chức cấp thị xã 2 trường hợp cảnh cáo; viên chức giáo dục 2 trường hợp buộc thôi việc). Hợp kiểm điểm trách nhiệm đối với 2 tập thể (Đội QTĐT và Phòng QLĐT); 2 cá nhân Phòng QLĐT.

### ***c. Đề án vị trí việc làm các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp***

\* Đối với các cơ quan chuyên môn: Sau khi Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức năm 2019-2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà đã được phê duyệt tại Quyết định số 3040/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể:

- Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành: 12 vị trí, 42 biên chế;

- Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ: 52 vị trí, 52 biên chế;

- Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ: 14 vị trí, 22 biên chế.

UBND thị xã trình cấp có thẩm quyền bổ sung thêm nguồn nhân lực, bố trí biên chế cần thiết, phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy của từng cơ quan chuyên môn, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Đồng thời, làm căn cứ để tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ, công chức có đủ tiêu chuẩn đảm đương công

việc phù hợp với vị trí việc làm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của thị xã.

Trong thời gian đến, UBND thị xã sẽ tiếp tục xây dựng Đề án vị trí việc làm và biên chế công chức đối với các cơ quan chuyên môn theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ sau khi có hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan và triển khai thực hiện của UBND tỉnh.

\* Đối với các đơn vị sự nghiệp: sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tại Quyết định số 3275/QĐ-UBND ngày 19/12/2019, trong đó: số lượng vị trí việc làm được phê duyệt là 92 vị trí.

UBND thị xã trình cấp có thẩm quyền bổ sung thêm nguồn nhân lực, phân bổ số lượng người làm việc đối với các đơn vị sự nghiệp hợp lý, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Đồng thời, đây là cơ sở để thực hiện công tác tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, cử đi đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, nâng hạng chức danh nghề nghiệp, chuyển hạng chức danh nghề nghiệp, xây dựng cơ cấu viên chức theo đúng danh mục vị trí việc làm đã được phê duyệt.

Trong thời gian đến, UBND thị xã tiếp tục xây dựng Đề án vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ.

## **5. Về thực hiện cải cách tài chính công**

UBND thị xã đã thực hiện có hiệu quả công tác cải cách tài chính công bằng việc giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sử dụng biên chế, kinh phí chi tiêu nội bộ. Qua đó, nhiều đơn vị đã siết chặt hơn việc quản lý tài sản công, tiết kiệm được kinh phí cho đơn vị, tăng thu nhập cho người lao động...

Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 43/2006 NĐ-CP. Theo đó, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thị xã đã tiến hành xây dựng chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sử dụng biên chế và kinh phí chi tiêu nội bộ. Tất cả các cơ quan, đơn vị đều xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ trong cơ quan.

Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ sau khi được ban hành, các đơn vị sự nghiệp công lập đã tiến hành thực hiện việc kiểm soát chi tiêu nội bộ, phát huy tính dân chủ, sáng tạo của người lao động, thay đổi kỹ năng quản lý, thực hiện tiết kiệm nghiêm túc, đúng quy chế.

UBND thị xã đã bố trí nguồn lực cho đầu tư phát triển và thực hiện cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ước hoàn thành mục tiêu các kế hoạch đề ra.

Công tác phân cấp ngân sách đã có những đổi mới cơ bản, nâng cao quyền chủ động và trách nhiệm của các đơn vị, các địa phương và các ngành sử dụng ngân sách, giảm được nhiều khâu trung gian, thủ tục không cần thiết trong phân bổ ngân sách.

Tiếp tục thực hiện xã hội hóa trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, dân số- kế hoạch hóa gia đình, thể dục, thể thao.

UBND thị xã đã ban hành quyết định công bố công khai dự toán ngân sách

hàng năm của thị xã năm 2021 theo quy định.

## **6. Hiện đại hóa hành chính**

### ***a. Việc triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước, trao đổi thông tin giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân***

Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước ngày càng được quan tâm, đã đầu tư mua sắm trang thiết bị làm việc để phục vụ tốt cho công tác chuyên môn của các cơ quan đơn vị trên địa bàn.

Triển khai thực hiện tốt kế hoạch số 4039/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thị xã về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước thị xã Hương Trà năm 2021.

Trong thời gian qua, tình hình ứng dụng CNTT đạt nhiều kết quả tích cực. Tiếp tục triển khai các hội nghị trực tuyến từ thị xã đến các xã, phường.

Trang thông tin điện tử của thị xã hoạt động thường xuyên, có hiệu quả, đã kịp thời thông tin công tác chỉ đạo điều hành của thị xã, tình hình kinh tế xã hội – ANQP và hệ thống văn bản cho người dân được biết, trả lời những phản ánh kiến nghị của người dân thông qua tiện ích tiếp nhận ý kiến của người dân trên trang thông tin điện tử. Trang thông tin điện tử 9/9 phường, xã hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.

Tiếp tục duy trì hoạt động hệ thống Website của UBND thị xã, UBND các xã, phường và các cơ quan trực thuộc nhằm cung cấp thông tin, công khai các quy trình, thủ tục hành chính và triển khai dịch vụ công như: tra cứu chính sách pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành; các mẫu đơn, thủ tục hành chính.

Về tiếp nhận và trả lời phản ánh của công dân trên Hệ thống thông tin Dịch vụ đô thị thông minh: đã tiếp nhận 190 phản ánh, đã giải quyết 172 phản ánh (đúng hạn 103, quá hạn 69), đang giải quyết 18 (trong hạn 12, quá hạn 6).

### ***b. Việc sử dụng các phần mềm vào giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị, địa phương***

Tất cả các cơ quan đơn vị đã sử dụng khá tốt phần mềm Đăng ký lịch và phát hành giấy mời qua mạng, đã phát hành 214 giấy mời của UBND thị xã trên môi trường mạng.

Phần mềm theo dõi ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, thị xã: UBND thị xã đã hoàn thành 158 YKCD của lãnh đạo tỉnh, trong đó đã hoàn thành trước và đúng hạn 152, quá hạn 6; Các xã, phường trên địa bàn thị xã đã thực hiện hoàn thành 66/85 YKCD của lãnh đạo thị xã giao, trong đó đã hoàn thành đúng hạn 56, quá hạn 10.

Phần mềm theo dõi tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo đã được Ban tiếp công dân thị xã, Thanh tra thị xã và các phòng ban liên quan triển khai sử dụng đúng yêu cầu.

100 % các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thị xã và UBND các phường, xã sử dụng hệ thống mạng diện rộng trên cơ sở kết nối mạng CPNet và internet tập trung bằng công nghệ Metronet tại tất cả - Vận hành có hiệu quả các phần mềm dùng chung, ký số tất cả các văn bản lưu thông trên mạng.

Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành đã được các cơ quan, đơn vị triển khai khá tốt, đã tiếp nhận 11391 văn bản đến, ban hành 6553 văn bản đi trên phần mềm tất cả đều được ký số; đã tiếp nhận, xử lý, lưu thông văn bản thông qua 2 hệ thống phần mềm của thị xã và của các phòng ban, các phường, xã.



### ***c. Về Hệ thống Quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015***

UBND thị xã xây dựng kế hoạch số 522/KH-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2021 về xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2021. Xây dựng kế hoạch số 523/KH-UBND ngày 23/02/2021 về đánh giá nội bộ Hệ thống QLCL phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2021 tại thị xã Hương Trà. Tổ chức rà soát đánh giá nội bộ, Công bố lại hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Kết quả đạt được**

Công tác CCHC trên địa bàn thị xã ngày càng có nhiều chuyển biến đáng kể, chất lượng và hiệu quả công việc ngày càng được nâng lên rõ nét, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Hoạt động của Trung tâm Hành chính công thị xã và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại các xã, phường từng bước đi vào nề nếp, số thủ tục hành chính sai, trễ hẹn giảm đáng kể, thời gian giải quyết hồ sơ từng bước được rút ngắn. Năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Việc ứng dụng CNTT vào hoạt động của cơ quan hành chính ngày càng hiện đại, hiệu quả.

#### **2. Tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác CCHC trên địa bàn thị xã vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần sớm được khắc phục, đó là:

- Một số địa phương, đơn vị quan tâm chưa đúng mức trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo về cải cách hành chính.
- Chất lượng hoạt động ở Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại một số địa phương chưa cao, giải quyết hồ sơ có lúc còn chậm trễ.
- Việc sử dụng các phần mềm dùng chung tại các cơ quan, đơn vị tương đối ổn định tuy nhiên việc theo dõi, thống kê ý kiến chỉ đạo trên phần mềm còn nhiều hạn chế.
- Một số địa phương chưa làm tốt công tác đưa tin, xác thực đăng tin trên trang thông tin điện tử xã, phường.
- Việc khắc phục những hạn chế sau kiểm tra tại một số địa phương còn chậm.

### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2022**

1. Xây dựng và thực hiện các Kế hoạch về công tác cải cách hành chính năm 2022 trên địa bàn thị xã, đặc biệt tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế chỉ số CCHC và chỉ số đánh giá chất lượng hoạt động UBND thị xã trong năm 2021.

2. xây dựng thực hiện Kế hoạch kiểm tra CCHC và kiểm tra kỷ cương, kỷ luật hành chính đối với cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường trên địa bàn thị xã, chú trọng kiểm tra đột xuất. Đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành, đưa công tác CCHC ở các cơ quan, đơn vị, địa phương hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.

3. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền về công tác CCHC năm 2022 với nhiều hình thức, đồng thời giới thiệu, nêu gương các cá nhân, tập thể điển hình tiên tiến trong công tác CCHC.

4. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của UBND cấp xã.

5. Tiếp tục sắp xếp, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận một cửa các xã, phường nhằm đáp ứng được yêu cầu của công tác CCHC.

6. Thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ, công chức, viên chức, chú trọng chuyển đổi vị trí công tác theo quy định.

7. Tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng, kiểm tra, rà soát hệ thống hóa các văn bản QPPL; việc kiểm soát, rà soát, đơn giản hóa TTHC, công tác cải cách tài chính công,...

8. Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn về nghiệp vụ công tác CCHC, ứng dụng CNTT và áp dụng, duy trì cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015,....

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh; (để b/c)
- Sở Nội vụ; (để b/c)
- Thường vụ Thị ủy; (để b/c)
- TT HĐND thị xã; (để b/c)
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đỗ Ngọc An**

**Phụ lục**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ**  
**THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**TẠI UBND THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ TRONG NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số 4279/BC-UBND ngày 22 /11/2021 của UBND thị xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	34	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	34	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	9	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.2.1	Số cơ quan đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	9	
1.2.2	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	12	
1.2.3	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	12	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	158	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	152	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	6	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	6648	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	17	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	15	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	12	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	27	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	27	
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
3.1.	Thông kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		Thẩm quyền UBND tỉnh
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	471	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	319	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	152	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	190	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	190	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	2	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	42	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100%	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100%	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	86.1%	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	93.1%	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	77.6%	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	85.7%	
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	319	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	291	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	112	
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	12	
4.1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn	Cơ quan, đơn vị		
	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	Cơ quan, đơn vị	6	
	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%	0	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	79	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	75	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	25	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	1211	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	1805	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	5	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	12	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	6	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực	Cơ quan, đơn vị	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra			
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	2	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	14	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		4	
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	4	2 Giáo viên buộc thôi việc và 2 viên chức Đội QLĐT
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	5	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>7.</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.		100%	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Tron g đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100%	
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100%	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100%	
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
Tron g đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100%	Văn bản đến: 11391/1 1391 Văn bản
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản	%	100%	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	giấy			đi 6553/65 53
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	179	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	112	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	12,5%	
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	11,8%	